

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 110/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N - sinh năm: 2001

Nơi cư trú: Thôn E, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình

Bị đơn: Anh Trương Văn C - sinh năm: 1997

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị N và anh Trương Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ con chung: Hai bên đương sự thống nhất thừa nhận quá trình chung sống có 03 con chung tên là Trương Bảo N1, sinh ngày 24/01/2019; Trương Gia H, sinh ngày 06/8/2020 và Trương Mỹ L, sinh ngày 24/5/2022. Sau khi ly hôn, hai bên đương sự thống nhất thoả thuận giao 02 con chung là cháu Trương Gia H và cháu Trương Mỹ L cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao

con chung Trương Bảo N1 cho anh Trương Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Sau khi ly hôn, hai bên có quyền qua lại chăm sóc, thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: Hai bên đương sự thoả thuận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

- Về án phí: Chị N và anh C mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí. Tuy nhiên hai bên thống nhất thoả thuận chị N nộp thay anh C tiền án phí nên chị N phải nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003489 ngày 10/12/2024, trả lại cho chị N 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND phường Quảng Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Tình